TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 16/5/2024
Về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Huyến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Trúc Mai và ông Trần Đình Khương.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thu Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị; Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 281/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 11/4/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25/4/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị Ngọc T**, sinh năm 1992, địa chỉ: 4/279 B, khu phố M, Phường B, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Xuân Th**, sinh năm 1985, địa chỉ: 4/279 Bà Triệu, khu phố M, Phường B, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 11/12/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Ngọc T và anh Nguyễn Xuân Th đăng ký kết hôn ngày 24/10/2016 tại UBND xã Triệu Đông, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Quá trình chung sống, giữa hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể khắc phục được. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Th không có trách nhiệm với gia đình, ham chơi, không có tinh thần cầu tiến, cờ bạc dẫn đến nợ nần; anh Th thường chì chiết, xúc phạm chị T và gia đình chị T; anh Th đã vứt tất cả đồ đạc, áo quần của chị T, đuổi chị T khỏi nhà chồng trước mặt mẹ chồng nên chị T đã rời nhà chồng để về sống tại nhà mẹ đẻ tại huyện Triệu Phong kể từ ngày 12/12/2023 cho

đến nay. Chị T nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng, hôn nhân không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Th.

Về con chung: Chị T và anh Th có 02 con chung là Nguyễn Xuân T1, sinh ngày 20/02/2019 và Nguyễn Anh T2, sinh ngày 30/01/2017. Khi ly hôn, chị Thạch có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản trình bày ý kiến đề ngày 20/12/2023 và tại phiên hòa giải ngày 12/01/2024 bị đơn anh Nguyễn Xuân Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Th chị T có đăng ký kết hôn trên cơ sở tình yêu tự nguyện theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Anh Th có nguyện vọng đoàn tụ vợ chồng, xin Tòa án tạo điều kiện về mặt thời gian để hai vợ chồng có thời gian cân nhắc lại và khắc phục mâu thuẫn.

Về con chung: Anh Th có nguyện vọng đoàn tụ vì con, nhưng nếu không thể đoàn tụ thì để vợ nuôi con, nhưng những lúc con được nghỉ thì anh Th có nguyện vọng được quyền đưa hai con về nhà chơi. Anh Th đồng ý giao 02 con là Nguyễn Xuân T1, sinh ngày 20/02/2019 và Nguyễn Anh T2, sinh ngày 30/01/2017 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Th không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Th vắng mặt tại phiên hòa giải (lần 2) ngày 06/3/2024, không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án vào ngày 10/4/2024, vắng mặt tại phiên tòa ngày 25/4/2024 mà không trình bày lý do.

Phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử:

- Cho chị Hoàng Thị Ngọc T ly hôn anh Nguyễn Xuân Th.

- Giao 02 cháu Nguyễn Xuân T1, sinh ngày 20/02/2019 và Nguyễn Anh T2, sinh ngày 30/01/2017 cho chị Hoàng Thị Ngọc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Hoàng Thị Ngọc T có đơn xin ly hôn đối với anh Nguyễn Xuân Th, cư trú tại địa chỉ 4/279 B, khu phố M, Phường B, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà theo quy định tại khoản 1 Điều 28 , điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về xét xử vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Bị đơn anh Nguyễn Xuân Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị Ngọc T:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Ngọc T và anh Nguyễn Xuân Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Triệu Đông, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị vào ngày 24/10/2016 (Giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 24/10/2016 của UBND xã Triệu Đông, huyện Triệu Phong). Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị T và anh Th cùng sống tại nhà bố mẹ anh Th. Thời gian đầu, hôn nhân hòa thuận, hạnh phúc, nhưng sau khi có con chung, giữa anh Th chị T thường xuyên xảy ra cãi vả, xích mích. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng về lối sống, khác biệt về tính cách; chị T cho rằng anh Th ham chơi, thiếu trách nhiệm với gia đình, con cái, không có tinh thần cầu tiến, ngoài ra còn cờ bạc dẫn đến nợ nần. Kết quả xác minh thể hiện: Trong quá trình chung sống, do tính cách chị T anh Th đều nóng nảy nên thường xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ 12/12/2023 cho đến nay. Gia đình nội ngoại hai bên đã nhiều lần hòa giải, động viên vợ chồng đoàn tụ nhưng vẫn không thể khắc phục được.

Sau khi chị T nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn, anh Th có nguyện vọng đoàn tụ và xin Tòa án tạo điều kiện về mặt thời gian để hai vợ chồng hòa giải. Tuy nhiên, kể từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân nhưng anh Th vẫn không chủ động liên lạc để hòa giải với chị T, không tham gia hòa giải theo triệu tập của Tòa án, không nỗ lực hàn gắn tình cảm vợ chồng và không có giải pháp khắc phục mâu thuẫn. Như vậy, dù anh Th mong muốn đoàn tụ gia đình nhưng lại không cố gắng cải thiện, có ý thức bỏ mặc tình trạng hôn nhân.

Tòa án đã triệu tập hòa giải, tạo điều kiện để vợ chồng chị T, anh Th cùng tháo gỡ mâu thuẫn nhưng vẫn không có kết quả.

Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Hoàng Thị Ngọc T và anh Nguyễn Xuân Th đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị Hoàng Thị Ngọc T xin ly hôn là có căn cứ. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Hoàng Thị Ngọc T được ly hôn anh Nguyễn Xuân Th là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh Th có 02 con chung là Nguyễn Xuân T1, sinh ngày 20/02/2019 và Nguyễn Anh T2, sinh ngày 30/01/2017. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con. Anh Th đồng ý với nội dung yêu cầu của chị T. Các con hiện đang sống cùng chị T, chị T hiện có công việc và thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện nuôi con, cháu Anh T2 có nguyện vọng được sống cùng mẹ và cả 02 cháu hiện đều đang học tại trường gần nơi ở của chị T. Xét thấy, con chung đang ở ổn định cùng mẹ, việc thỏa thuận người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con của chị T anh Th là phù hợp với quy định của pháp luật, bảo đảm được quyền và lợi ích của con chưa thành niên khi có bố mẹ ly hôn theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần giao cả 02 con cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị Thạch không yêu cầu anh Thành cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Hoàng Thị Ngọc T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị Ngọc T ly hôn anh Nguyễn Xuân Th *(Giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 24/10/2016 của UBND xã Triệu Đông, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị).*

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Xuân T1, sinh ngày 20/02/2019 và Nguyễn Anh T2, sinh ngày 30/01/2017 cho chị Hoàng Thị Ngọc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Xuân Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/2023 số 0000096 ngày 11/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Chị Hoàng Thị Ngọc T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND thành phố Đông Hà;
- Chi cục THADS TP. Đông Hà;
- UBND xã Triệu Đông, huyện Triệu Phong;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Xuân Huyến